TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà
Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 510/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 584/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 397/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1995; HKTT: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn P1, sinh năm 1994; HKTT: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phạm Thị Phương trình B:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn P1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/3/2018. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chị vẫn vui vẻ, hạnh phúc. Tháng 3/2023, anh P1 sang Đài Loan làm việc. Đầu năm 2024, chị và anh P1 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh P1 mỗi người

sống một nơi, anh P1 ở Đài Loan, còn chị ở Việt Nam, vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Do mâu thuẫn nên chị và anh P1 không còn liên lạc với nhau từ khoảng tháng 5/2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn P1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 chung là Vũ Kim Đ, sinh ngày 13/4/2021, hiện nay đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị P không cung cấp được địa chỉ của anh Vũ Văn P1 tại Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh P1. Bà Dương Thị V (là mẹ đẻ anh P1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh P1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên, anh P1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh P1 biết. Quan điểm của anh P1 là do tình cảm vợ chồng không còn nên chị P có đơn xin ly hôn thì anh P1 đồng ý. Về con chung: Do anh P1 đang ở nước ngoài nên đồng ý để chị P nuôi con chung là Vũ Kim Đ, sinh ngày 13/4/2021. Chị P tự nguyện không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng tiền nuôi con, anh P1 nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị P vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt. Bị đơn anh P1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Vũ Văn P1. Về con chung: Giao con chung là Vũ Kim Đ, sinh ngày 13/4/2021 cho chị Phạm Thị P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Vũ Văn P1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị P không cung cấp được địa chỉ của anh P1 tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị P và gia đình anh P1 cung cấp địa chỉ, nhưng chị P và gia đình anh P1 không cung cấp được. Bà Dương Thị V là mẹ đẻ anh P1 xác định anh P1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc chị P có đơn xin ly hôn, anh P1 không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị P vắng mặt, có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh P1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Vũ Văn P1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/3/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị P xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P trình bày do là vợ chồng sống xa cách, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Từ tháng 5/2024 đến nay, chị và anh P1 sống ly thân, không còn liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị P có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình anh P1 xác định không còn tình cảm với chị P và đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh P1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Do vậy cần chấp nhận cho chị P được ly hôn anh P1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị P và anh P1 có 01 con chung là Vũ Kim

Đ, sinh ngày 13/4/2021. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng chị P. Sau khi ly hôn, chị P có quan điểm xin được nuôi con chung, anh P1 đồng ý. Xét thấy, cháu Đ còn nhỏ, hiện đang sinh sống ổn định cùng chị P. Anh P1 đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Đ cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp. Chị P tự nguyện không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị P.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Phương ly H anh Vũ Văn P1.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị P được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Kim Đ, sinh ngày 13/4/2021 kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh P1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0005195 ngày 04 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị P vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Vũ Văn P1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa